TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ, TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

---

Bản án số: 11/2024/ST-DS
Ngày 15 - 08 - 2024
V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Sơn và bà Đỗ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Tiến Phúc, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thu Hương, Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 08 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST - DS ngày 19 tháng 05 năm 2022 về tranh chấp chia thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-DS ngày 23/07/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Minh Th, sinh năm 1968. Có mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty Luật TNHH HL; địa chỉ: Số 69/172 đường PD, phường PD, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Q, Giám đốc. Giám đốc Công ty Luật TNHH HL phân công ông Lê Quốc Đ là chuyên viên pháp lý của Công ty tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của ông Th. Có mặt

- Bị đơn: Anh Hoàng Đức L, sinh năm 1987. Có mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Đặng Thị D, sinh năm 1931. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

2. Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1958. Có mặt

Địa chỉ: Xóm C, xã YB, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

3. Bà Hoàng Thị D1, sinh năm 1963. Có mặt

Địa chỉ: Xóm C, xã YB, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

4. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1965. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ Y, khối 8 thị trấn ĐT, huyện ĐT, tỉnh Kon Tum

5. Ông Hoàng Mạnh D1, sinh năm 1970. Có mặt

Địa chỉ: Đội Z, QP xã Yên B, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

6. Ông Hoàng Văn S1 (Hoàng Mạnh S1), sinh năm 1974. Có mặt

Địa chỉ: QP, xã Yên B, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

7. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1972. Có mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của cụ D, bà Hươ, bà S, bà D, bà M, ông D và ông S: Ông Hoàng Minh Th, sinh năm 1968; nơi thường trú: Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Có mặt

8. Anh Hoàng Văn Th1, sinh năm 1993. Vắng mặt

9. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1997. Vắng mặt

10. Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1996. Vắng mặt

11. Cháu Hoàng Quỳnh Ph, sinh ngày 31/8/2021. Người đại diện cho cháu Phương: Anh Hoàng Văn Th1 và chị Nguyễn Thị Tr (là bố mẹ đẻ). Vắng mặt

12. Cụ Hoàng Thị L1, sinh năm 1950. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

13. Cụ Hoàng Văn M1, sinh năm 1937. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 21/3 phố CT, phường SL, thị xã ST, thành phố Hà Nội

14. Chị Hoàng Thị L2, sinh năm 1985. Vắng mặt

Địa chỉ: Cụm 13, thôn HĐ, xã TL, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

15. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1989. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn HT, xã VH, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo ủy quyền của chị L và chị H: Anh Hoàng Đức L, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Có mặt

16. Bà Phùng Thị T1, sinh năm 1948. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 10, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

17. Bà Phùng Thị T2, sinh năm 1950. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 3, xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

18. Ông Phùng Xuân H1, sinh năm 1953. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm K, xã LS, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

19. Bà Phùng Thị H2, sinh năm 1955. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 12, phường PL, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

20. Ông Phùng Văn H3 (tên khác: Th), sinh năm 1958. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn TD, xã HH, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

21. Ông Phùng Văn Ph1, sinh năm 1960. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

22. Bà Phùng Thị Ng, sinh năm 1962. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

23. Ông Phùng Mạnh H3, sinh năm 1965. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

24. Bà Phùng Thị L2, sinh năm 1969. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 17, phường HN, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

25. Bà Phùng Thị L3, sinh năm 1971. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn PT, xã TH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng

26. Ông Đặng Văn T3, sinh năm 1960. Vắng mặt

27. Ông Đặng Văn T4, sinh năm 1964. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã TH, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng

28. Bà Đặng Thị T5b(tên gọi khác: H), sinh năm 1970. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã VP, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo, nguyên đơn là ông Hoàng Minh Th trình bày:**

Bố mẹ ông là cụ Hoàng Văn M và cụ Đặng Thị D. 02 cụ M D sinh được 07 người con là bà Hoàng Thị Sửu, bà Hoàng Thị Dần, bà Hoàng Thị Mùi, ông Hoàng Văn Nh (đã chết năm 1998), ông Hoàng Minh Th, ông Hoàng Mạnh D1 và ông Hoàng Văn S.

Sinh thời, 02 cụ M D có khối tài sản chung là thửa đất ở tại cụm 7 (nay là Thôn X), xã VN, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). Năm 2000, 02 cụ lập di chúc thừa kế cho: Anh Hoàng Văn L (là cháu nội đích tôn của 2 cụ M D) được quyền sử dụng 570m^2, cụ Hoàng Thị L2 (là em ruột của cụ M) được quyền sử dụng 224m^2, ông Hoàng Minh Th và bà Vũ Thị H (vợ ông Th) được quyền sử dụng 1.650m^2. Di chúc được Ủy ban nhân dân (UBND) xã VN xác nhận ngày 29/12/2000.

Sau khi lập di chúc, cụ M làm thủ tục đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất đối với diện tích đất đã di chúc cho ông Th và bà H, cụ D làm thủ tục đăng ký xin cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất đã di chúc cho anh L và cụ L1 làm thủ tục đăng ký xin cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất đã di chúc cho cụ L1. Ngày 31/12/2002, UBND huyện Phúc Thọ cấp GCNQSD đất đứng tên hộ ông Hoàng Văn M, hộ bà Đặng Thị D, hộ bà Hoàng Thị L2 tương ứng với các thửa đất mà các cụ đã làm đơn xin cấp GCNQSD đất nêu trên, trong đó hộ ông Hoàng Văn M là chủ sử dụng thửa đất số 11, tờ bản đồ

số 4^A, diện tích 1.660m^2 đất ở, địa chỉ: Xã VN, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây (chính là thửa đất 02 cụ M D đã di chúc cho ông Th và bà H năm 2000).

Cụ Hoàng Văn M chết năm 2013 không để lại di chúc.

Năm 2013, cụ D cùng các thành viên trong gia đình làm thủ tục chuyển tên chủ sử dụng đất từ hộ bà Đặng Thị D sang tên chủ sử dụng Hoàng Văn L đối với thửa đất 02 cụ M D đã di chúc cho anh L năm 2000.

Năm 2020, ông Th làm thủ tục chuyển tên chủ sử dụng đất từ hộ ông Hoàng Văn M sang tên vợ chồng ông Th bà H đối với thửa đất 02 cụ M D di chúc cho ông Th và bà H năm 2000 nhưng anh Hoàng Đức L không đồng ý ký mà yêu cầu ông bà Thân Hương phải cắt cho anh L 500m^2 đất trong thửa đất mà 02 cụ M D di chúc cho ông Th và bà H năm 2000. Ông Th không đồng ý và đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã VN giải quyết đề nghị chia thừa kế theo di chúc. Tại buổi hòa giải, anh L vẫn không đồng ý ký giấy tờ để làm thủ tục chuyển tên chủ sử dụng đất sang ông Th bà H mà đề nghị giải quyết thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế tài sản theo di chúc mà 02 cụ M D đã lập và được UBND xã VN xác nhận ngày 29/12/2000 đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4^A, diện tích 1.660m^2 đất ở (sau đây gọi tắt là thửa đất số 11) tại xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội đã được UBND huyện Phúc Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2002 đứng tên hộ ông Hoàng Văn M. Ngoài ra, ông Th không yêu cầu giải quyết chia thừa kế tài sản nào khác.

Nếu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 11, ông Th tự nguyện không yêu cầu tính công sức chăm sóc, thuốc men khi cụ M ốm và công sức lo ma chay, chôn cất, cải cát, xây mộ cho cụ M mà chỉ yêu cầu tính công sức duy trì, bảo vệ và tôn tạo di sản của cụ M.

Nếu anh L được chia thừa kế tài sản của cụ M thì ông Th đồng ý chia bằng đất cho anh L.

*** Bị đơn là anh Hoàng Đức L trình bày:**

Nguồn gốc thửa đất số 11^b, tờ bản đồ số 4^A, tại Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ là của ông cha để lại cho 2 cụ Hoàng Văn M và Đặng Thị D. Từ khi sinh ra, anh đã thấy bố mẹ ở trên thửa đất số 11b. Năm 2000, Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, khi đó bố anh đã chết (chết năm 1998), mẹ không có nhà, còn anh mới 13 tuổi nên cụ D (bà nội của anh) đứng tên thay anh trong GCNQSD đất đối với thửa đất số 11b. Đến năm 2013, anh đã trưởng thành nên cụ D làm thủ tục tặng cho anh thửa đất số 11b. Ngày 24/7/2013, UBND huyện Phúc Thọ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 11^b, tờ bản đồ số 4^A, diện tích 585m^2 tại Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ đứng tên chủ sử dụng Hoàng Đức L.

Năm 2000, ngoài việc 2 cụ M D tặng cho anh thửa đất số 11^b thì còn tặng cho ai khác hay không thì anh không biết, vì khi đó anh còn nhỏ. Khi lớn lên, anh thấy cụ L1

(em ruột cụ M) ở tại thửa đất số 11a và gia đình ông Th (con cụ M) sinh sống trên thửa đất số 11. Khi đến Tòa án giải quyết về việc ông Th khởi kiện chia thừa kế tài sản theo di chúc thì anh mới biết 2 cụ M D đã lập di chúc được UBND xã VN xác nhận ngày 29/12/2000, nội dung di chúc: Tặng cho anh, cụ L1 và vợ chồng ông Th bà H được quyền sử dụng diện tích đất của 2 cụ M D như trong di chúc thể hiện.

Nay ông Th yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản theo di chúc của 2 cụ M D được UBND xã VN xác nhận ngày 29/12/2000 đối với thửa đất số 11, anh không đồng ý cho ông Th và bà H được thừa kế toàn bộ thửa đất số 11. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Nếu bố anh (ông Hoàng Văn Nh) được chia thừa kế di sản của cụ M đối với thửa đất số 11 mà anh được hưởng thừa kế thay bố thì anh xin nhận bằng đất để làm nơi thờ cúng tổ tiên. Anh L tự nguyện không yêu cầu tính công sức chăm sóc, thuốc men khi cụ M ốm và công sức lo ma chay, chôn cất, cải cát, xây mộ cho cụ M mà chỉ yêu cầu tính công sức duy trì, bảo vệ và tôn tạo di sản của cụ M.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Thị L2 và chị Hoàng Thị H2 (do anh Hoàng Đức L đại diện) trình bày:**

Nếu bố của chị L2 và chị H2 (ông Hoàng Văn Nh) được chia thừa kế di sản của cụ M để lại đối với thửa đất số 11 mà chị L2 và chị H2 được hưởng thừa kế thay bố thì chị L2 và chị H2 xin nhận bằng đất để làm nơi thờ cúng tổ tiên. Chị L2 và chị H2 tự nguyện cho anh L được sở hữu toàn bộ kỷ phần thừa kế mà chị L2 và chị H2 được chia.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Đặng Thị D (do ông Hoàng Minh Th đại diện) trình bày:**

Cụ D đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông Th.

Trường hợp Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 11, thìtoàn bộ phần tài sản của cụ D trong thửa đất này, phần cụ D được chia thừa kế đối với di sản của cụ M và phần công sức của cụ D duy trì, bảo vệ và tôn tạo di sản của cụ M (cụ D yêu cầu giải quyết phần công sức này) thì cụ D tự nguyện cho ông Hoàng Minh Th được quyền sở hữu. Cụ D tự nguyện không yêu cầu tính công sức chăm sóc, thuốc men khi cụ M ốm và công sức lo ma chay, chôn cất, cải cát, xây mộ cho cụ M.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị Sửu, bà Hoàng Thị Dần, bà Hoàng Thị Mùi, ông Hoàng Mạnh D1 và ông Hoàng Văn S (do ông Hoàng Minh Th đại diện) trình bày:**

Bà S1, bà D2, bà M1, ông D2 và ông S đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Th. Nếu phải chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 11, phần tài sản thừa kế mà Bà S1, bà D2, bà M1, ông D2 và ông S được chia đối với tài sản của cụ M thì Bà S1, bà D2, bà M1, ông D2 và ông S tự nguyện cho ông Hoàng Minh Th được quyền sở hữu toàn bộ. Bà S1, bà D2, bà M1, ông D2 và ông S tự

nguyện không yêu cầu tính công sức chăm sóc, thuốc men khi cụ M ốm và công sức lo ma chay, chôn cất, cải cát, xây mộ cho cụ M.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị H (do ông Hoàng Minh Th đại diện) trình bày:**

Bà H tự nguyện không yêu cầu tính công sức chăm sóc, thuốc men khi cụ M ốm và công sức lo ma chay, chôn cất, cải cát, xây mộ cho cụ M mà chỉ yêu cầu tính công sức duy trì, bảo vệ và tôn tạo di sản của cụ M.

*** Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại trong vụ án:**

Không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến thửa đất số 11 và không yêu cầu, đề nghị gì đối với tài sản đó.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không đạt được thỏa thuận.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vụ án kéo dài quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: Xác định thửa đất số 11 thuộc quyền sử dụng của 2 cụ Hoàng Văn M và Đặng Thị D, nên mỗi cụ được quyền sử dụng ½ thửa đất là 830m^2. Chia di sản của cụ M làm 10 phần, ông Hoàng Minh Th được nhận 9 phần, anh Hoàng Đức L được nhận 1 phần. Ông Th và anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh Th

Các đương sự đều công nhận thửa đất ở tại cụm 7 (nay là Thôn X), xã VN, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) là của ông cha để lại cho vợ chồng cụ Hoàng Văn M và Đặng Thị D. Do đó, xác định thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng cụ M và cụ D.

Năm 2000, cụ M và cụ D lập di chúc phân chia thửa đất này cho cụ Hoàng Thị L2 (em ruột của cụ M), anh Hoàng Đức L (cháu nội đích tôn của 2 cụ M D), vợ chồng ông Hoàng Minh Th và bà Vũ Thị H. Cụ thể: Anh Hoàng Đức L được quyền sử dụng 570m^2, cụ Hoàng Thị L2 được quyền sử dụng 224m^2, ông Hoàng Minh Th và bà Vũ Thị H được quyền sử dụng 1.650m^2. Di chúc được UBND xã VN xác nhận ngày 29/12/2000.

Tuy nhiên năm 2002, cụ Hoàng Văn M lại làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất di chúc cho vợ chồng ông Th và bà H. Ngày 31/12/2002, UBND huyện Phúc Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4^A, diện tích 1.660m^2, địa chỉ: Xã VN, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) đứng tên hộ ông Hoàng Văn M (chính là thửa đất 2 cụ M D đã di chúc cho ông Th và bà H năm 2000).

Như vậy, cụ M và cụ D đã định đoạt lại tài sản của mình năm 2002 cụ đã lập di chúc. Vì vậy, di chúc mà cụ M và cụ D lập năm 2000 không còn hiệu lực nữa. Ông Hoàng Minh Th yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản theo di chúc cụ M và cụ D lập năm 2000 đối với thửa đất số 11 là không có căn cứ. Anh Hoàng Đức L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Th, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật đối với thửa đất số 11. Ngoài ra, các đương sự không yêu cầu chia thừa kế tài sản nào khác.

[2]. Như phân tích ở mục [1], các đương sự đều công nhận thửa đất số 11 là tài sản chung của vợ chồng cụ Hoàng Văn M và Đặng Thị D. Ngày 31/12/2002, UBND huyện Phúc Thọ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 11 đứng tên hộ ông Hoàng Văn M. Tại thời điểm ngày 31/12/2002, hộ ông Hoàng Văn M có 02 nhân khẩu là ông Hoàng Văn M và bà Đặng Thị D. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì thửa đất số 11 là tài sản chung hợp nhất, nên cụ M, cụ D mỗi người được quyền sử dụng một nửa thửa đất là 1660m^2 : 2 = 830m^2. Xác định cụ M được quyền sử dụng 830m^2 đất giáp thửa đất số 11b. Diện tích 830m^2 đất còn lại thuộc quyền sử dụng của cụ D. Ngày 13/01/2013, cụ M chết không để lại di chúc, nên 830m^2 đất giáp thửa đất số 11b của cụ M được chia thừa kế theo pháp luật.

[3]. Về công sức của cụ D, ông Th và bà H: Cụ D và các con cùng anh L (cháu nội của 2 cụ M D) có công chăm sóc cụ M ốm, lo ma chay, chôn cất, cải cát và xây mộ cho cụ M. Tại phiên tòa, người đại diện của cụ D và tất cả các con của cụ M cùng anh L đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết phần công sức chăm sóc cụ M ốm, lo ma chay, chôn cất, cải cát và xây mộ cho cụ M nên chấp nhận. Sau khi cụ M chết, cụ D, ông Th và bà H (vợ ông Th) vẫn tiếp tục ở tại thửa đất số 11, bảo vệ, giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị của thửa đất. Cụ D, ông Th và bà H yêu cầu tính công sức tôn tạo, giữ gìn, bảo vệ làm tăng giá trị di sản của cụ M từ năm 2013 đến nay là có căn cứ, nên trích công sức cho cụ D, ông Th và bà H bằng 94m^2 đất.

[4]. Chia thừa kế cụ thể như sau:

Cụ M chết năm 2013, bố mẹ của cụ M đều đã chết trước cụ M. Cụ M không có con riêng, con nuôi. Cụ M và cụ D có 07 con chung là Bà S1, bà D2, bà M1, ông Nh, ông Th, ông D2 và ông S. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ M là cụ D, Bà S1, bà D2, bà M1, ông Nh, ông Th, ông D2 và ông S. Di sản thừa kế của cụ M là 830m^2 đất ở. Trích công sức cho cụ D, ông Th và bà H rồi chia di sản của cụ M làm 8 phần, trong đó cụ D, Bà S1, bà D2, bà M1, ông Nh, ông Th, ông D2 và ông S, mỗi người được hưởng 1 kỷ phần là (830m^2 – 94m^2) : 8 = 92m^2, trị giá 7.500.000đ x 92m^2 = 690.000.000đồng.

Ông Hoàng Văn Nh có 3 con đẻ là anh Hoàng Đức L, chị Hoàng Thị L2 và chị Hoàng Thị H2, không có con nuôi, con ngoài giá thú. Ông Nh chết năm 1998 (chết trước cụ M) không để lại di chúc, nên các con của ông Nh là anh L, chị L2 và chị H2 được thừa kế thế vị. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L2 và chị

H2 cho anh L được sở hữu kỷ phần thừa kế của mình, nên anh L được sử dụng 92m^2 đất, trị giá 690.000.000đồng. Ông Th đang sử dụng diện tích đất này và có công trình, cây cối trên đất, nên ông Th phải tháo dỡ, di dời công trình và cây cối để trả đất cho anh L.

Chấp nhận sự tự nguyện của cụ D cho ông Th được quyền sử dụng 830m^2 đất của cụ D trong thửa đất số 11 phía giáp đường đi và thửa đất số 11a, được sở hữu kỷ phần thừa kế của cụ D 92m^2 đất và được sở hữu phần công sức của cụ D đối với di sản của cụ M là 94m^2 : 3 = 31,33m^2 đất.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà H cho ông Th được sở hữu phần công sức của bà H đối với di sản của cụ M 31,33m^2 đất.

Chấp nhận sự tự nguyện của Bà S1, bà D2, bà M1, ông D2 và ông S cho ông Th được sở hữu kỷ phần thừa kế của mỗi người 92m^2 đất.

Tổng cộng, ông Th được quyền sử dụng 1.568m^2 đất, trị giá 11.760.000.000đồng.

[5]. Ngoài ra, các đương sự không yêu cầu chia thừa kế tài sản nào khác nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về án phí: Ông Th và anh L phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tài sản theo di chúc của ông Hoàng Minh Th đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4^A, diện tích 1.660m^2, địa chỉ: Xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

2. Chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4^A, diện tích 1.660m^2, địa chỉ: Xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

3. Xác định diện tích 830m^2 đất ở (phía giáp thửa đất số 11b) thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4^A, Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng của cụ Hoàng Văn M.

4. Xác định diện tích 830m^2 đất ở còn lại thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4^A, Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng của cụ Đặng Thị D.

5. Xác định di sản của cụ Hoàng Văn M để lại là 830m^2 đất ở (phía giáp thửa đất số 11b) thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4^A, Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, trị giá 6.225.000.000đồng.

6. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Hoàng Văn M là năm 2013.

7. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ M là Cụ Đặng Thị D, bà Hoàng Thị Sửu, bà Hoàng Thị Dần, bà Hoàng Thị Mùi, ông Hoàng Văn Nh, ông Hoàng Minh Th, ông Hoàng Mạnh D1 và ông Hoàng Văn S.

8. Chấp nhận sự tự nguyện của cụ Đặng Thị D, bà Hoàng Thị S, bà Hoàng Thị Dần, bà Hoàng Thị Mùi, ông Hoàng Minh Th, ông Hoàng Mạnh D1, ông Hoàng Văn S và anh Hoàng Đức L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết phần công sức của mình chăm sóc, ma chay, chôn cất, cải cát và xây mộ đối với cụ Hoàng Văn M.

9. Xác định công sức của cụ Đặng Thị D, ông Hoàng Minh Th và bà Vũ Thị H đối với di sản của cụ Hoàng Văn M là 94m^2 đất trích từ di sản của cụ M.

10. Cụ Đặng Thị D, bà Hoàng Thị S, bà Hoàng Thị D2, bà Hoàng Thị M1, ông Hoàng Văn Nh, ông Hoàng Minh Th, ông Hoàng Mạnh D1 và ông Hoàng Văn S, mỗi người được hưởng 1 kỷ phần là 92m^2 đất.

11. Chấp nhận sự tự nguyện của cụ Đặng Thị D cho ông Hoàng Minh Th được quyền sử dụng 830m^2 đất ở của cụ D (phía giáp đường đi và thửa đất số 11a) thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4^A, Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

12. Chấp nhận sự tự nguyện của cụ Đặng Thị D cho ông Hoàng Minh Th được quyền sử dụng 31,33m^2 đất do cụ D được thanh toán công sức đối với di sản của cụ M.

13. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị H cho ông Hoàng Minh Th được quyền sử dụng 31,33m^2 đất do bà H được thanh toán công sức đối với di sản của cụ M.

14. Chấp nhận sự tự nguyện của cụ Đặng Thị D, bà Hoàng Thị S1, bà Hoàng Thị D1, bà Hoàng Thị M1, ông Hoàng Mạnh D1 và ông Hoàng Văn S cho ông Hoàng Minh Th được sở hữu kỷ phần thừa kế của mỗi người 92m^2 đất.

15. Tổng cộng, ông Hoàng Minh Th được quyền sử dụng 1.568m^2 đất, trị giá 11.760.000.000đ (mười một tỉ bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

16. Xác định ông Hoàng Văn Nh chết năm 1998.

17. Xác định anh Hoàng Đức L, chị Hoàng Thị L2 và chị Hoàng Thị H2 thừa kế thế vị của ông Hoàng Văn Nh.

18. Anh Hoàng Đức L, chị Hoàng Thị L2 và chị Hoàng Thị H2 mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế là 30,66m^2 đất.

19. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Thị L2 và chị Hoàng Thị H2 cho anh Hoàng Đức L được sở hữu kỷ phần thừa kế của mỗi người 30,66m^2 đất.

20. Tổng cộng, anh Hoàng Đức L được quyền sử dụng 92m^2 đất, trị giá 690.000.000đ (sáu trăm chín mươi triệu đồng).

21. Chia hiện vật:

21.1. Chia cho ông Hoàng Minh Th được quyền sử dụng 1.568m^2 đất ở (phía giáp thửa đất số 11a và đường đi) (ký hiệu 11-2) thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4^A, Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. *(giới hạn bởi các*

điểm 1a, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 7a, 7b, 1a trên sơ đồ phân chia đất kèm theo bản án) trị giá 11.760.000.000đ (mười một tỉ bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

21.2. Chia cho anh Hoàng Đức L được quyền sử dụng 92m^2 đất ở (phía giáp thửa đất số 11b) (ký hiệu 11-1) thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4^A, Thôn X, xã VN, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. *(giới hạn bởi các điểm 1, 1a, 7b, 7a, 8, 1 trên sơ đồ phân chia đất kèm theo bản án)* trị giá 690.000.000đ (sáu trăm chín mươi triệu đồng).

22. Buộc ông Hoàng Minh Th phải tháo dỡ, di dời công trình, vật kiến trúc, cây cối trên phần đất chia cho anh Hoàng Đức L.

23. Các đương sự được chia đất có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

24. Về án phí: Ông Hoàng Minh Th phải chịu 119.760.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 20.000.000đồng ông Th đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0040203 ngày 19/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ. Ông Th còn phải nộp tiếp số tiền 99.760.000đ (chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Anh Hoàng Đức L phải chịu 31.160.000đ (ba mốt triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

25. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Các đương sự được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- THADS huyện Phúc Thọ;
- Các đương sự:
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Đức Hiếu

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Đức Hiếu

25. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.